

Bản án số: 274/2026/HS-ST
Ngày 04 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Kim và ông Hoàng Hải Nguyễn Quang Kim

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở TAND khu vực 2 – Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự Thụ lý số 229/2026/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Khắc Đ**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 21/02/2007;

CCCD số: 024207000804 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/5/2023;

Nơi thường trú và chỗ ở: thôn Ấp Hồng, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh;

Nay là thôn Nghĩa Tiến, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Chức vụ (Đảng, đoàn thể chính quyền): không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Họ tên cha: **Nguyễn Mạnh T**, sinh năm 1971;

Họ tên mẹ: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983;

Anh chị em ruột: Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình;

Vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

Bản án số 16/2024/HSST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố

Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là TAND khu vực 1- Bắc Ninh) xử phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Đ phạm tội ngày 19/4/2023, là người dưới 18 tuổi). Đại chưa chấp hành xong thời gian thử thách; chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 04/3/2024 (bị tạm giữ từ ngày 25/8/2023 đến ngày 02/9/2023).

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh B. (có mặt)

2. Họ và tên: **Ngô Tuấn A**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 23 tháng 5 năm 2007;

CCCD số: 024207011950 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp;

Nơi thường trú và chỗ ở: thôn Yên Ninh, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh;

Nay là thôn Phúc Yên, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Chức vụ (Đảng, đoàn thể, chính quyền): không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12;

Họ tên cha: **Ngô Văn T1**, sinh năm 1976 (đã chết);

Họ tên mẹ: **Đỗ Thị T2**, sinh năm 1976;

Anh chị em ruột: Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình.

Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 136 ngày 05/11/2023 của Công an huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) xử phạt hành chính về hành vi “mang theo trong người các loại công cụ, phương tiện khác có khả năng sát thương nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác”, mức xử phạt 2.000.000 đồng.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 24/4/2026 đến ngày 30/4/2026 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. (có mặt)

- Bị hại: Anh **Đặng Văn V**, sinh năm 2006. Địa chỉ: **thôn K, xã H, tỉnh Bắc Ninh**. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Nguyễn Quốc H1**, sinh năm 2010. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của **Nguyễn Quốc H1**: Ông **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1986 và bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **thôn N, xã H, tỉnh Bắc Ninh**.

2. Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1976. Địa chỉ: **thôn K, xã H, tỉnh Bắc Ninh**. (vắng mặt)

3. Anh **Trịnh Hữu M**, sinh năm 2010. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của **Trịnh Hữu M**: Bà **Lý Thị N1**, sinh năm 1989 và ông **Trịnh Anh T3**, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **Thôn K, xã H, tỉnh Bắc Ninh**.

4. Anh **Chu Quý T4**, sinh năm 1976. Địa chỉ: **TDP Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh**. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Khắc Đ, sinh ngày 21/02/2007, trú tại **thôn A, xã H, tỉnh Bắc Ninh** nay là **thôn N, xã H, tỉnh Bắc Ninh** quen biết với anh **Đặng Văn V**, sinh năm 2006 và **Trịnh Hữu M**, sinh ngày 24/01/2010 đều trú tại **thôn K, xã H, tỉnh Bắc Ninh**, **Nguyễn Quốc H1**, ngày 02/8/2010, trú tại **thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh** nay là **thôn N, xã H, tỉnh Bắc Ninh**; **Ngô Tuấn A**, sinh ngày 23/5/2007, trú tại **thôn Y, xã H, tỉnh Bắc Ninh** nay là **thôn P, xã H, tỉnh Bắc Ninh**. Tới ngày 22/4/2026, **Nguyễn Khắc Đ**, **Ngô Tuấn A**, **Nguyễn Quốc H1**, **Trịnh Hữu M** ngồi chơi cùng nhau tại khu vực bờ hồ thuộc địa phận **thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh** nay là **thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh**. Khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày, **M** mượn anh **Đặng Văn V** xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ đen, biển kiểm soát 98D1-951.94 để đi về nhà lấy áo mặc. Sau khi **M** điều khiển xe đi, **Tuấn A** ngồi trên yên xe mô tô Honda Vision, màu nâu, không lắp biển kiểm soát (là xe **Tuấn A** mượn của mẹ để là bà **Đỗ Thị T2**, sinh năm 1977), **H1**, **Đ** ngồi và đứng cạnh xe, còn anh **V** ngồi trên bờ tường cách 02m. **Đ** nảy sinh và rủ **H1** và **Tuấn A** cùng chiếm đoạt xe mô tô của anh **V** mang đi cầm cố lấy tiền rồi dùng một phần tiền để chuộc lại điện thoại cho **Tuấn A** đã cầm đồ trước đó thì **Tuấn A**, **H1** đều đồng ý. Khoảng mấy phút sau, **M** điều khiển xe mô tô của anh **V** quay lại chỗ anh **V** trả xe mô tô, khi này **H1**, **Đ**, **Tuấn A** đều không nói cho **M** biết việc sẽ chiếm đoạt xe mô tô của anh **V**. Tiếp đó, mọi người rủ nhau đi chơi tiếp, **M** điều khiển xe mô tô của anh **V** chờ theo anh **V** và **Đ** ngồi sau; **H1** điều khiển xe mô tô của **Tuấn A** chờ theo **Tuấn A** ngồi sau cùng đi đến **cây xăng H3 ở thôn A xã H, tỉnh Bắc Ninh** để đổ xăng. Đổ xăng xong, cả nhóm tiếp tục đi cùng **M** đến **thôn P, xã H, tỉnh Bắc Ninh** để **M** trả điện thoại mượn của bạn trước đó. Trên đường đi, **Đ** ngồi sang xe của **H1** và **Tuấn A** và cùng thống nhất tìm cách để **H1** lấy lý do mượn xe mô tô của anh **V** đi mua nước rồi chiếm đoạt xe. Khoảng 21 giờ ngày 22/4/2026, sau khi đến gốc đa ở **thôn Y** và **M** trả điện thoại cho bạn xong; **Đ** bảo **M** và **H1** đi cùng xe với **Tuấn A**, còn **Đ** điều khiển xe của anh **V** chờ anh **V** ngồi sau, mục đích để tìm cách chiếm đoạt xe mô tô. Khi cả nhóm đi chơi quay lại bờ hồ **thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh** thì dừng lại; **Đ** nói dối lấy có anh **V** ngồi xe lắc, thấy vậy **H1** bảo anh **V** sang xe **Tuấn A** ngồi để **H1**, **M** ngồi sang xe mô tô của anh **V** do **Đ** đang điều khiển thì anh **V** đồng ý giao xe cho **Đ**, để chìa khóa xe mô tô vào hộc để đồ ở đầu xe và sang xe của **Tuấn A** ngồi để tiếp tục đi chơi. Khi đi đến đoạn đường nhà văn hóa **thôn Đ, xã H**, **H1** có nói với **M** là “tý bọn tao mang xe của **V** đi cầm, mày không muốn liên quan thì sang xe kia”. **M** nghĩ là **V** đồng ý cho cầm xe mô tô, không biết **Đ**, **H1**, **Tuấn A** chiếm đoạt xe của anh **V** nên bảo cầm xe thì lấy gì mà đi rồi không bảo gì nữa. Khi cả nhóm đi đến gần **cây xăng sườn đường vành đai D, thuộc địa phận xã H, tỉnh Bắc Ninh** thì đỗ lại để cho **M** sang ngồi cùng xe với **Tuấn A** và anh **V**. **Tuấn A**

lấy cớ nói với Đ “T5 đi mua nước thì mua cho tao cốc trà chanh” Đ bảo “ừ”. H1 nói dối anh V bảo “cho tao mượn xe đi mua nước”, anh V tin là thật nên đồng ý cho mượn xe. Lúc này, Tuấn A điều khiển xe mô tô của Tuấn A chở M đi chơi, không đi cùng Đ và H1. Còn Đ điều khiển xe mô tô của anh V chở H1 đến cửa hàng “Cầm đồ 86” địa chỉ tại tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh do anh Chu Quý T4, sinh năm 1976 trú tại tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh là chủ cửa hàng. Tại đây, H1 và Đ đi vào trong cửa hàng cùng đặt vấn đề cầm cố xe mô tô để vay tiền, không nói cho biết là xe mô tô chiếm đoạt của người khác. Do quen biết Đ nên anh T4 đồng ý nhận cầm xe mô tô với số tiền 7.200.000 đồng, yêu cầu cả hai viết giấy vay tiền và đứng cạnh xe mô tô để chụp ảnh làm tin. Sau đó, Đ, H1 cùng viết, ký tên vào giấy vay tiền với số tiền nêu trên, lãi xuất 1%/tháng, thời hạn đến ngày 28/4/2026, để lại xe mô tô của anh V. Anh T4 chụp ảnh xong, giữ lại giấy vay tiền, xe mô tô rồi đưa cho H1 số tiền 7.200.000 đồng. Sau đó, Tuấn A điều khiển xe mô tô đi đến cửa quán cầm đồ, H1 đưa cho Đ 3.600.000 đồng và giữ lại 3.600.000 đồng. Đ đưa cho Tuấn A 700.000 đồng để chuộc điện thoại rồi cả nhóm bỏ đi chơi và ăn tiêu hết số tiền trên.

Ngày 22/4/2026, anh Đặng Văn V làm đơn trình báo việc bị chiếm đoạt xe mô tô đến Công an phường T, tỉnh Bắc Ninh. Sau đó, Công an phường tự L chuyển vụ việc đến Công an xã H rồi chuyển đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh B để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 23/4/2026, Nguyễn Khắc Đ, Ngô Tuấn A đến Cơ quan điều tra đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội. Cùng ngày 23/4/2026, Cơ quan điều tra thu giữ được của anh T4: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, Vision, màu đỏ đen, biển kiểm sát 98D1-951.94 và 01 bản photo giấy vay tiền có chữ ký của H1, Đ (bản chính anh T4 khai đã làm thất lạc) và hình ảnh H1, Đ đứng cạnh xe mô tô khi cầm xe.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 08 ngày 28/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã H, tỉnh Bắc Ninh kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ đen, biển kiểm soát 98D1-951.94 tại thời điểm ngày 22/4/2026 có trị giá 22.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 111/CT-VKS ngày 25/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Khắc Đ và Ngô Tuấn A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2025. Xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc Đại T6 09 tháng đến 11 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, Buộc bị cáo chấp hành hình phạt phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số 16/2024/HSST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là TAND khu vực 1- Bắc Ninh) về “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015 thành hình phạt 01 năm 06 tháng tù; Tổng hợp hình phạt của 2 bản án, buộc bị cáo Nguyễn Khắc Đ phải chấp hành hình phạt từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 05 tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2026 nhưng được đi thời gian tạm giữ từ ngày 23/8/2023 đến ngày 02/9/2023 của Bản án số 16/2024/HSST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là TAND khu vực 1- Bắc Ninh).

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2025. Xử phạt bị cáo **Ngô Tuấn A** từ 08 tháng đến 10 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 04/8/2026.

Giao bị cáo **Ngô Tuấn A** cho **UBND xã H**, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về trách nhiệm dân sự: Các Đại, **Tuấn A** và anh **Nguyễn Quốc H1** đã bồi thường cho anh **Ngô Quý T7** số tiền 7.200.000đ. Đến nay bà **Nguyễn Thị X**, anh **Đặng Văn V** và anh **Chu Quý T4** đều không có yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về bồi thường.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản giá trị, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ đen, biển kiểm soát 98D1-951.94 là tài sản của bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1976, trú tại **thôn K, xã H, tỉnh Bắc Ninh** cho anh **V** mượn để làm phương tiện đi lại. Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho bà **X**, còn lại bản photo giấy vay tiền, hình ảnh **H1**, **D** đứng cạnh xe mô tô khi cầm xe được đưa vào hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên và người tiến hành tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Bị hại và người liên quan vắng mặt nhưng có đầy đủ lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi bị truy tố của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Khoảng 19 giờ 40 phút ngày 22/4/2026, tại khu vực bờ hồ thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh; Nguyễn Khắc Đ đã rủ và cùng thống nhất với Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 02/8/2010 và Ngô Tuấn A là rủ anh Đặng Văn V đi chơi lòng vòng trên địa bàn xã H, tỉnh Bắc Ninh rồi chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ đen, biển kiểm sát 98D1-951.94, trị giá 22.000.000 đồng của anh V. Khoảng 21 giờ ngày 22/4/2026, khi đi chơi đến bờ hồ thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh; Đ điều khiển xe mô tô của anh V nói dối anh V ngồi xe bị lắc, bảo anh V sang ngồi xe mô tô của Tuấn A, để H1 sang ngồi xe với Đ. Anh V giao xe mô tô, chìa khóa xe cho Đ và chuyển chỗ ngồi với H1. Tiếp đó, đi đến đoạn đường vành đai 4, thuộc địa phận xã H, tỉnh Bắc Ninh; H1, Đ nói dối điều khiển xe của anh V đi mua nước uống cho Tuấn A, rồi đi thẳng đến cửa hàng cầm đồ của anh Chu Quý T4, sinh năm 1976, ở tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh cầm cố xe mô tô lấy số tiền 7.200.000 đồng. Khi cầm cố xe mô tô, H1, Đ không nói cho anh T4 biết là xe mô tô chiếm đoạt của người khác. Số tiền có được nêu trên, H1, Đ, Tuấn A chia nhau và đã chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân cũng như gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương.

Khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại, các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm đó là vi phạm pháp luật, thấy trước hậu quả đồng thời mong muốn chiếm đoạt được tài sản của bị hại để tiêu sài cá nhân. Lỗi của các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Khắc Đ và Ngô Tuấn A đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2025. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh truy tố các bị cáo Nguyễn Khắc Đ và Ngô Tuấn A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2025 là có căn cứ.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nhưng các bị cáo không phân công nhiệm vụ cụ thể, không bàn bạc từ trước về việc ai trực tiếp thực hiện hành vi, không bàn chia lợi nhuận sau khi chiếm đoạt được tài sản sản mang bán nên có tính chất đồng phạm giản đơn, không có tính chất tổ chức.

Vai trò thứ nhất trong vụ án là Nguyễn Khắc Đ là người rủ rê bị cáo Tuấn A và Nguyễn Quốc H1 thực hiện hành vi phạm tội, mang xe mô tô đi bán.

Vai trò thứ hai trong vụ án là Nguyễn Tuấn A1 có vai trò đồng phạm giúp sức bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội.

Do bị cáo Đ có nhân thân xấu: Bản án số 16/2024/HSST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là TAND khu vực 1- Bắc Ninh) xử phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Đ phạm tội ngày 19/4/2023, là người dưới 18 tuổi). Đại chưa chấp hành xong thời gian thử

thách; chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 04/3/2024. Nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và tổng hợp với hình phạt của bản án trên thành hình phạt chung cho cả hai bản án mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo **Ngô Tuấn A** có vai trò thứ yếu giúp sức cho bị cáo **Đ**, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự nên có đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo **Nguyễn Khắc Đ** xúi giục **Nguyễn Quốc H1** là người dưới 16 tuổi thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; **Ngô Tuấn A** không phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố, bị cáo **Nguyễn Khắc Đ** và **Ngô Tuấn A** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã đầu thú và bồi thường cho anh **Chu Quý T4** nên đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo **Đ**, **Tuấn A** và anh **Nguyễn Quốc H1** đã bồi thường cho anh **Chu Quý T4** số tiền 7.200.000đ. Đến nay bà **Nguyễn Thị X**, anh **Đặng Văn V** và anh **Chu Quý T4** đều không có yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về bồi thường.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản giá trị, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ đen, biển kiểm soát 98D1-951.94 là tài sản của bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1976, trú tại **thôn K, xã H, tỉnh Bắc Ninh** cho anh **V** mượn để làm phương tiện đi lại. Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho bà **X**, còn lại bản photo giấy vay tiền, hình ảnh **H1**, **Đ** đứng cạnh xe mô tô khi cầm xe được đưa vào hồ sơ vụ án.

[9] Đối với **Nguyễn Quốc H1**, khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản cùng các bị cáo do hành vi thuộc tội ít nghiêm trọng, là người dưới 16 tuổi nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[10] Đối với **Trịnh Hữu M** không biết, không được **Đ**, **H1** và **Tuấn A** bòn bạc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh **V**; **M** cũng không có hành vi giúp sức, cũng không hưởng lợi ích gì nên không phạm tội là có căn cứ.

[11] Đối với anh **Chu Quý T4** không biết xe mô tô do **Đ** và **H1** cầm cố là tài sản chiếm đoạt của người khác nên không phạm tội là có căn cứ.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo **Nguyễn Khắc Đ** và **Ngô Tuấn A** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[13] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2025. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Khắc Đ** 01 (một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, Buộc bị cáo chấp hành hình phạt phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số 16/2024/HSST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là TAND khu vực 1- Bắc Ninh) thành hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt của 2 bản án, Buộc bị cáo **Nguyễn Khắc Đ** phải chấp hành hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2026 nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 23/8/2023 đến ngày 02/9/2023 của bản án số 16/2024/HSST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là TAND khu vực 1- Bắc Ninh).

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2025. Xử phạt bị cáo **Ngô Tuấn A** 08 (tám) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 04/8/2026.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 87 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND KV2 – Bắc Ninh;
- CQ CSĐT- Công an tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã (phường) bị cáo cư trú;
- Bị cáo.
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn T8

